Môn thi: Chủ nghĩa xã hội khoa học - K69

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	15	201	0	0	
2	87	204	3	2,5	chấm rộng
3	88	204	0	0	
4	126	205	5	5	
5	211	303	4	4	
6	222	303	2,5	2,5	
7	231	301	0	0	
8	236	304	3,5	4	chấm sót ý
9	239	304	2	2	
10	256	304	3	3	
15	274	305	2	2	
11	280	305	1	1	
12	282	305	2	2	
13	302	307	3,5	3,5	
14	334	401	4	5,5	chấm sót ý
16	423	405	1	1	
17	436	405	3	3	
18	468	406	4	4	
19	508	408	3	3	
20	585	603	1,5	1,5	
21	592	604	1,5	0,5	chấm rộng
22	595	604	2,5	1,5	chấm rộng
23	605	604	2	1	chấm rộng
24	644	606	1	1	
25	761	609	5	6,5	cộng sót
26	768	803	1	1,5	chấm sót ý
27	769	803	0,5	1	chấm sót ý
28	778	803	0	0	
29	787	803	2,5	3,5	chấm sót ý
30	806	804	1,5	1,5	
31	823	805	1	1,5	chấm sót ý
32	838	805	0	1	chấm sót ý
33	848	807	1,5	1,5	
34	853	807	0	0	
35	858	807	3	3	
36	1049	1002	0	0	
37	1086	1003	1	1	
38	1104	1003	3	3	
39	1143	1005	2,5	1,5	chấm rộng
40	2002	201	1	1,5	chấm sót ý
41	2022	202	0	0	
42	2030	202	5	4,5	chấm rộng
43	2033	202	2	2	
44	2040	202	0,5	0,5	
45	2046	202	0	0	
46	2047	202	1	1	
47	2054	203	4	4	
48	2059	203	6	6,5	chấm sót ý
49	2060	203	3	3	
50	2071	203	1	1	

51	2085	204	5	4	chấm rộng
52	2096	204	5	5,5	chấm sót ý
53	2113	205	4	4	
54	2121	205	1	1	
55	2122	205	1	1,5	
56	2194	302	3	3,5	chấm sót ý
57	2197	302	5	4,5	chấm rộng
58	2205	303	6,5	6,5	
59	2214	303	5,5	5,5	
60	2221	301	4,5	4,5	
61	2231	304	1,5	1,5	
62	2239	304	1	1	
63	2265	305	0	0	
64	2270	305	3	3	
65	2313	401	0	0	
66	2321	401	4,5	6,5	chấm sót câu
67	2331	402	4,5	4,5	
68	2345	402	3	2,5	chấm rộng
69	2346	402	0	0,5	chấm sót ý
70	2367	403	0	0	
71	2369	403	0	0	
72	2398	404	3,5	3,5	
73	2420	405	7,5	7,5	
74	2435	405	7	7	
75	2441	406	6	6	
76	2447	406	4,5	4,5	
77	2452	406	6	6,5	cộng sót điểm
78	2463	406	6,5	6,5	
79	2473	407	0	0,5	chấm sót ý
80	2474	407	4,5	4,5	
81	2519	408	3,5	3,5	
82	2528	601	0	0	
83	2531	601	5	4	chấm rộng
84	2541	601	3	3	
85	2557	603	0	0	
86	2568	603	4	3	chấm rộng
87	2569	603	5,5	5,5	
88	2600	604	0	0	
89	2631	606	5	5	
90	2636	606	2	2,5	chấm sót ý
91	2653	606	0	0,5	chấm sót ý
92	2658	607	5	5	
93	2662	607	2	2	
94	2665	607	7	7	
95	2670	607	1	1	
96	2679	607	6	6	
97	2701	608	1	1	
98	2713	608	2	2,5	chấm sót ý
99	2716	609	0	0	
100	2719	609	1,5	1,5	
101	2728	609	0	0	
102	2729	609	0	0,5	chấm sót ý

103	2730	609	1,5	1,5	
104	2739	609	1	1	
105	2793	805	2	2	
106	2794	805	1,5	2	chấm sót ý
107	2800	805	0	0	
108	2873	904	3	5	chấm sót câu
109	2878	904	0	0	
110	2881	904	3	3	
111	2933	909	5,5	6	chấm sót ý
112	2948	910	3	3	
113	2990	911	5	5	
114	3040	1002	6	6	
115	3049	1002	6	5,5	chấm rộng
116	3056	1003	2	2	
117	3057	1003	2,5	2,5	
118	3061	1003	2,5	2,5	
119	3068	1003	2,5	2	chấm rộng
120	3075	1103	0,5	1	chấm sót ý
121	3079	1003	3,5	3,5	
122	3086	1004	3	3	
123	3115	1005	0	0,5	chấm sót ý
124	3116	1005	2,5	3	chấm sót ý
125	3118	1005	4	3,5	chấm rộng
126	3120	1005	0	0	
127	3030	1002	7	7	

Môn thi: Tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	49	202	5	5	
2	64	203	7	7,5	chấm sót ý
3	247	304	8	8,5	chấm sót ý
4	253	304	5	5,5	chấm sót ý
5	300	307	4	4	
6	342	401 B	2	2	
7	473	405	6	6,5	chấm sót ý
8	488	406	5,5	5	chấm nhầm ý
9	509	407	7	7	
10	534	407	6,5	6	chấm nhầm ý
11	553	407 B	4	4,5	chấm sót ý
12	650	604	5	4,5	chấm nhầm ý
13	808	608 B	3	3	
14	824	609	3	3	
15	827	609	4	4	
16	1022	909	6,5	6,5	
17	1096	911	5	5,5	chấm sót ý
18	2012	201	4	4,5	chấm sót ý
19	2026	202	6	6,5	chấm sót ý
20	2043	202	4	4,5	cộng sót ý
21	2068	203	5	5	
22	2192	302	6	5,5	chấm nhầm ý
23	2279	307	7,5	7,5	
24	2299	401	6,5	6,5	

25	2316	401	2	2,5	chấm sót ý

Môn thi: Nhập môn KHXH và nhân văn - K69

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	2086	204	4	5	Chấm sót ý
2	650	604	3	5	Chấm sót ý
3	760	608	7	7	
4	328	401	2	6	Chấm sót ý
5	682	605	3	3	
6	2282	305	7	7	
7	754	607	4	5	Chấm sót ý

Môn thi: Thống kê xã hội học - K69

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	696	607	8,5	8,5	
2	233	304	3	3	
3	2561	603	7,5	7,5	

Môn thi: Tiếng Anh 2 - A2 - K69

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	61	203	7	7	
2	160	301	6,5	6,5	
3	265	305	5	5	
4	594	606	7,5	7,5	
5	198	302	8	8	
6	110	205	8	8	
7	10	201	8	8	
8	352	404	7,5	7,5	
9	263	305	7	7	

Môn thi: Tiếng Anh 2 - A1 - K69

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	76	203	6,5	6,5	

Môn thi: Tiếng Trung chuyên ngành

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	53	604	2,5	2,5	

Môn thi: Nhân học đại cương - K69

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	143	206	6	8	chấm sót ý
2	1017	906	6	7	chấm sót ý
3	2087	204	6	8	chấm sót ý

Môn thi: Đường lối CM của Đảng CSVN

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	24	609	2	2,5	chấm sót ý

Môn thi: Giáo dục học

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	44	608	2	2	

Môn thi: Giao tiếp sư phạm

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm

1	11	201	7,5	8	chấm sót
2	37	202	7,5	7,5	
3	41	202	5	5,5	chấm sót
4	87	204	7,5	8	chấm sót
5	324	401	7	7	
6	388	403	5	5,5	chấm sót
7	470	406	7	7,5	chấm sót
8	583	601	6,5	6,5	

Môn thi: Nhập môn lý thuyết ma trận - K69

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	155	301	7	7	
2	595	601	0	1,5	Chấm sót câu 1
3	273	305	6,5	6,5	
4	277	305	6,5	6,5	
5	350	401B	7	8	chấm sót câu 5

Môn thi: Nhập môn khoa học và máy tính

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	586	508	3,5	9,5	GV nhập nhầm điểm
2	223	501	2,5	2,5	
3	251	502	6,5	7,5	Chấm thêm phần lập trình
4	387	508	3	3,5	Chấm thêm phần lập trình
5	47	502	0	2	Thêm điểm trắc nghiệm
6	406	501	5	3	Sinh viên nộp nhầm bài lập trình
7	396	508	7	10	GV nhập sai điểm bài 2
8	725	506	3	3,5	Chấm thêm phần lập trình
9	411	501	7	9,5	GV nhập nhầm điểm
10	607	501	5	6	Chấm thêm phần lập trình
11	207	501	2,5	2,5	
12	23	501	7	8,5	Thêm điểm trắc nghiệm
13	496	505	4	5	Chấm thêm Code câu 2
14	204	501	2,5	2,5	
15	648	502	2	2	
16	662	503	7	7	
17	61	503	4	4	
18	283	503	4,5	4,5	
19	732	506	3,5	8	Chấm lại bài lập trình
20	652	502	0	3	Thêm điểm trắc nghiệm
21	262	503	6	6,5	thêm điểm lập trình
22	337	506	2,5	4,5	Bổ sung điểm trắc nghiệm
23	756	507	6	10	Chấm thêm điểm lập trình

Môn thi: Kinh tế chính trị- K69

TT	**SBD**	**Phòng thi**	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	11	201	7,5	8,5	Chấm sót ý
2	41	202	1	1	
3	121	205	4,5	4,5	
4	132	206	6	6	
5	141	206	6	6	
6	153	301	4	4	
7	156	301	4	4	
8	183	302	5	5	

9	204	303	6	6	
10	224	303	5	5	
11	280	305	4	4	
12	296	307	2,5	2,5	
13	324	401	5,5	5,5	
14	378	402	7	7	
15	397	403	5	5	
16	449	405	8	8	
17	452	405	4	4,5	Chấm sót ý
18	541	407B	3,5	3,5	
19	542	407B	5,5	6,5	Chấm sót ý
20	557	407B	7	7	
21	559	407B	5	5	
22	631	603	1	1	
23	758	607	1	1	
24	925	805	3	4,5	Chấm sót ý
25	981	904	7,5	7,5	
26	994	904	5,5	5,5	
27	1005	906	4,5	5	Chấm sót ý
28	1010	906	2	2	
29	1014	906	1	1	
30	1018	906	4	3	Chấm rộng
31	1066	910	5	5,5	Chấm sót ý
32	2003	201	5	6	Chấm sót ý
33	2106	205	4,5	4,5	
34	2111	205	3,5	3,5	
35	2153	306	4	4	
36	2191	302	0	0	
37	2203	303	0	0,5	Chấm sót ý
38	2205	303	3,5	3,5	
39	2215	303	1	1	
40	2240	304	0	0	
41	2288	307	1	1	
42	2302	401	0	0	
43	2396	402	7	7	
44	2417	403	5	5	
45	2535	407	6	6	
46	2543	407B	0,5	0,5	
47	2552	407B	1	1	
48	2564	407B	0,5	0,5	
49	2672	604	3	3	
50	2681	605	1	1	
51	2683	605	1	1	
52	2781	608	3	3	
53	2877	804	0	0	
54	2889	804	2	2	
55	2974	901	4	4	
56	3090	1003	6	6	

Môn thi: Calculus - K69

TT	SBD	Phòng thi	Điểm	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
1	8	402	1	2	Bỏ sót câu
2	38	403	8	8,5	Bỏ sót câu

3	105	405	7,5	9,5	Bỏ sót câu
4	129	406	7,5	7,5	
5	143	407	5	5	
6	149	407	5	6,5	Bỏ sót câu
7	165	407	1	1	
8	169	407B	5	8	Bỏ sót câu
9	209	408	2	3,5	Bỏ sót câu
10	220	408	5,5	7,5	Bỏ sót câu
11	375	607	0	1,5	Bỏ sót câu
12	396	608	0,5	0,5	
13	464	609	5,5	6,5	Bỏ sót câu
14	470	609	6,5	8	Bỏ sót câu
15	475	609	0	2	Bỏ sót câu
16	493	803	7	7	
17	516	804	3,5	5,5	Bỏ sót câu
18	557	807	7	7,5	Bỏ sót câu
19	602	901	0	1,5	Bỏ sót câu
20	687	910	0	1	Bỏ sót câu
21	706	910	7,5	7,5	
22	733	1002	0	1	Bỏ sót câu
23	734	1002	0	1	Bỏ sót câu